TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2020
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ, TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phượng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh;

Ông Bùi Đăng Ban;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28/7/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N , sinh năm 1985, có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1973, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Viết T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 03/2/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu say rồi đánh đập chị. Đến tháng 2/2017, do mâu thuẫn trầm trọng, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã T sinh sống cho đến nay. Quá

trình sống ly thân, hai bên không thể hòa giải được với nhau để về đoàn tụ, nay chị N xin ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Vợ chồng sinh được một con chung là Nguyễn Thị N1, sinh ngày 27/12/2015, hiện nay đang ở cùng mẹ, chị N nhận tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N không yêu cầu xem xét giải quyết về tài sản.

- Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của bị đơn, anh Nguyễn Viết T trình bày: Anh xác nhận điều kiện kết hôn như phần trình bày của chị N là đúng, tuy nhiên anh T xác định vợ chồng chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì, kể từ tháng 2/2017, vợ chồng sống ly thân nhau, anh cũng đã tìm chị N về đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Nay anh xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi con chung.

Anh T xác nhận vợ chồng có một con chung như chị N đã khai, anh cũng mong muốn được nuôi con chung và yêu cầu chị N cấp dưỡng theo pháp luật, trường hợp chị N nuôi con thì anh sẽ không cấp dưỡng.

Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên quan điểm và các ý kiến của mình đã trình bày tại bản khai, biên bản hòa giải, các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự đều có địa chỉ thường trú tại Phù Cừ, Hưng Yên, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Viết T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, các đương sự có tranh chấp về hôn nhân sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Quá trình chung sống, các bên đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc mỗi người sống một nơi, từ tháng 2/2017 đến nay hai bên không còn cuộc sống chung vợ chồng và cũng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, mặc dù anh T trình bày muốn đoàn tụ nhưng trên thực tế anh cũng không có hành động cụ thể nào có hiệu quả để thuyết phục chị N về đoàn tụ. Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh T không nhất quán về lời nói cũng như hành động, có lúc anh mong muốn Tòa án kéo dài thời gian giải quyết thêm để các bên có cơ hội hòa giải, có lúc anh lại xác định không thể chung sống với nhau được nữa nhưng cũng không ly hôn để các bên phải ràng buộc nhau. Chị N cho rằng anh T thường xuyên uống rượu, không làm chủ được bản thân và có hành vi bạo lực đối với chị, do đó chị không thể về chung sống với anh T được nữa.

Xét tình trạng vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể duy trì được nữa, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, để các bên tự ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

[3] Về con chung: Các bên có một con chung là Nguyễn Thị N1, sinh ngày 27/12/2015, từ nhỏ đến nay vẫn ở cùng mẹ, các đương sự đều mong muốn được nuôi con sau khi ly hôn. Tại phiên tòa anh T nhận nuôi, sẽ thuê người trông con và yêu cầu chị N cấp dưỡng, mặc dù trước đó anh khai anh không có công việc cụ thể. Chị N hiện tại làm công nhân, có thu nhập hàng tháng, có thể đảm bảo được việc nuôi con. Xét con chung là nữ, còn nhỏ, hiện tại đang được chị N nuôi dưỡng ổn định, do đó giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩmtheo quy định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Viết T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị N1, sinh ngày 27/12/2015 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18

tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0003766 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Phù Cừ;
- UBND P;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Phượng